TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Lý Thể Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị P – sinh năm 1972

Đăng ký hộ thường trú: Số 158/14, đường Đ, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Nơi ở hiện nay: Số 114, ấp X, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bình T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 158/14, đường Đ, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đinh Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Bình T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 16/4/2009. Quá trình chung sống thường phát sinh bất hòa, không hợp nhau. Đã sống ly thân 10 năm nay. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có hai 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 01/11/1993 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 26/12/2001. Hai con đang sống cùng bà P. Khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bích Th đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bình T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị P đối với ông Nguyễn Bình T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/11/1993 cho bà Đinh Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở. Đối với Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 01/11/1993 đã trưởng thành, nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà bà P không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết; bị đơn không có ý kiến trình bày nên không đặt ra xem xét.

Án phí: Bà Đinh Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đinh Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bình T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy bà Đinh Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Bình T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà P, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đinh Thị P và ông Nguyễn Bình T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 16/4/2009. Nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng bà P xác định quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh bất hòa, không hợp nhau, đã sống ly thân 10 năm nay. Ông T không có lời trình bày. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy bà P và ông T không sống chung với nhau 10 năm nay, trong thời gian này bà P và ông T không hàn gắn được tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà P và ông T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, cho bà P được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà P xác định quá trình chung sống, có hai 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/11/1993 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 26/12/2001. Hai con đang sống cùng bà P. Khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi dưỡng Bích T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bích Th đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Ông T không thể hiện ý kiến có nguyện vọng nuôi con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 26/12/2001 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện Bích T đang sống cùng bà P, cho nên bà P được tiếp tục nuôi dưỡng Bích T. Đối với Bích Th đã trưởng thành, nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định trong quá trình chung sống, bà và ông T không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đinh Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị P đối với ông Nguyễn Bình T. Bà Đinh Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Bình T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 26/12/2001 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện Bích T đang sống cùng bà P, cho nên bà P được tiếp tục nuôi dưỡng Bích T.

Đối với Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 01/11/1993 đã trưởng thành, nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Bình T được quyền thăm nom Nguyễn Thị Bích T, không ai được phép cản trở.

Ông Nguyễn Bình T không cấp dưỡng nuôi con do bà Đinh Thị P không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng. Bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000425 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam